

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

2. Ông Nguyễn Văn Còn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp BT, xã TB, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số X, ấp BT, xã TB, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng N xác lập quan hệ hôn nhân năm 1990, có làm đám cưới nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn ngày 16/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã MB (nay là xã TB), huyện T, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến thời

gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hồng N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hồng HT, sinh ngày 26/8/1991, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng N vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng N, bị đơn hiện đang cư trú tại xã TB, huyện T, tỉnh Long An theo xác nhận ngày 02/12/2022 của Công an xã TB, huyện T, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có đơn ngày 30/12/2022 đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà

nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hồng N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2011, quyền số 01/2011, ngày 25/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình (nay là xã Tân Bình), huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà L trình bày tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu được ly hôn với ông N. Ông N từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông N đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L. Như vậy chứng tỏ ông N cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông N là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hồng N có 01 con chung tên Nguyễn Hồng HT sinh ngày 26/8/1991, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày trong quá trình chung sống bà và ông N không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006327 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà L đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 96, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Hồng N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hồng N.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006327 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà L đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CCTHADS huyện Tân Trụ;
- Nơi ĐKKH (Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Xuân – Nguyễn Văn Còn

Huỳnh Thị Hoàng Dung